

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HSST

Ngày: 04/4/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Điền**;

2. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan**- Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Mai Xuân C, sinh năm 1952 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 2, Ngõ 15 Nguyễn Hữu C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hoá 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Mai Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 13, ngày 02/02/1983 của Toà án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là Hải Dương) xử phạt 24 tháng về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa và phải bồi thường cho Nhà nước 3080 đồng, chịu án phí sơ thẩm hình sự 30 đồng, án phí sơ thẩm dân sự 154 đồng. Kết quả xác minh: không còn tài liệu liên quan đến việc thi hành án dân sự của Mai Xuân C. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trương Toàn T**, sinh năm 1975- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư TD- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Q, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã U', huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Mai Thị Thuý M, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 16, ngõ 105 B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Những người làm chứng: Ông Phạm Văn T1, ông Mai Quang B, Anh Nguyễn Văn H1 (Ông T1, ông B, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Xuân C là cán bộ hưu trí, không có chức năng, thẩm quyền trong việc tuyển dụng người vào làm việc tại các Cơ quan nhà nước, Bệnh viện trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói chung và Bệnh viện đa khoa huyện N nói riêng. Tuy nhiên Mai Xuân C vẫn đưa ra các thông tin đã xin việc cho một số trường hợp vào làm tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Hải Dương để mọi người tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1966 ở thôn Q, xã U' huyện N (con gái ông T1 lấy chồng là cháu trai C). Quá trình ông T1 đến nhà em trai C chơi có gặp và nói chuyện với C. Ông T1 biết thông qua C nói chuyện đã xin việc cho một số trường hợp vào làm tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Giữa năm 2015, Ông Nguyễn Văn D có tham gia xây mộ cho gia đình ông Phạm Văn T1, ông T1 có hỏi thăm về con gái ông D (chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994) học gì, ông D bảo con gái mình học Cao đẳng Dược Trung ương- Hải Dương và sắp ra trường, ông T1 nói quen biết một người trên Hải Dương, người này có khả năng xin việc cho sinh viên ra trường vào làm tại các bệnh viện (ông T1 chưa nói rõ là ai). Tháng 9/2015, chị H tốt nghiệp ra trường nhưng chưa xin được việc làm nên ông D đến hỏi ông T1, đặt vấn đề nhờ người xin việc cho chị H, ông T1 bảo để ông T1 hỏi cụ thể rồi trao đổi lại. Ông T1 gọi điện thoại cho Mai Xuân C để nhờ xin việc cho con gái ông D. C bảo sẽ xem xét rồi báo lại. Sau đó, C liên hệ với ông Mai Quang B - Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện N thì được biết bệnh viện Đa khoa huyện N không còn tuyển người nữa.

Mặc dù đã được ông B thông tin cho biết bệnh viện Đa khoa huyện N không tuyển người nữa nhưng C vẫn điện thoại cho ông T1 và nói "Bệnh viện Đa khoa huyện N đang tuyển người làm Dược, ông B cháu (tức con ông D) có làm thì chuẩn bị hồ sơ và chuẩn bị 300 triệu đồng (*số lượng tiền này do C tự đưa ra và yêu cầu nộp chứ không có ai yêu cầu*) để C lo cho chị H, lo cho từ a đến z đến khi cháu vào công chức thì thôi", C bảo ông T1 báo lại ông D để ông D chuẩn bị tiền và hẹn ngày để C xuống nhà ông T1 gặp ông D lấy tiền lo việc cho chị H. Ông T1 báo lại cho ông D biết và ông D đồng ý nên đã chuẩn bị sẵn số tiền 300 triệu đồng.

Ngày 21/10/2015, Mai Xuân C đi xe ô tô taxi (*C không nhớ rõ biển kiểm soát xe ô tô và không biết lái xe là ai, ở đâu*) đến nhà ông T1, một mình C đi vào trong nhà và ngồi ở phòng khách nhà ông T1. Ông T1 điện thoại báo ông D sang gặp C, ông D mang số tiền 300 triệu đồng chuẩn bị từ trước để trong túi nilon và đi đến nhà ông T1 để gặp C. Tại phòng khách nhà ông T1, 3 người ngồi nói chuyện, trong đó ông D, ông T1 ngồi

cùng một bên, C ngồi ghế đối diện. Quá trình nói chuyện, ông D đặt vấn đề nhờ C xin việc cho chị H vào làm việc thuộc biên chế chính thức tại bệnh viện Đa khoa huyện N và C đồng ý. Ông D hỏi C chi phí xin vào làm việc tại bệnh viện Đa khoa huyện N đến khi vào viên chức hết bao nhiêu thì C bảo "chi phí nước non cho đến khi cháu vào viên chức là hết 300 triệu đồng" và hứa hẹn nếu C không thực hiện được thì sẽ trả lại ông D số tiền 300 triệu đồng nêu trên. Do C hứa, cam kết sẽ giúp cho chị H vào biên chế làm việc tại bệnh viện Đa khoa huyện N, nếu không được sẽ trả lại tiền nên ông D tin tưởng rồi đi sang chỗ C ngồi đưa cho C số tiền 300 triệu đồng, ông D bỏ từng cọc tiền trong túi nilon ra và đưa cho C cầm, tổng cộng có 3 cọc tiền (*gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng*), ông D bảo C mỗi cọc tiền là 100 triệu đồng, yêu cầu C đếm nhưng C bảo không phải đếm (*do C đã thông báo phải chuẩn bị 300 triệu đồng từ trước*). Sau đó ông D đưa túi nilon để C bỏ tiền vào, quá trình trao đổi, đưa tiền có sự chứng kiến của ông T1. Vì tin tưởng vào mối quan hệ thông gia giữa ông T1 và em trai C nên khi giao tiền ông D không viết giấy giao nhận tiền. C cầm số tiền rồi ngồi nói chuyện một lúc thì ra về. Sau đó C điện thoại cho ông T1 để thông báo cho chị H chuẩn bị hồ sơ xin việc.

Đến khoảng tháng 11/2015, Mai Xuân C về nhà ông T1 và đưa chị H đến gặp ông Mai Quang B để đặt vấn đề xin việc cho chị H vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa huyện N. Tại phòng làm việc của ông B, ông B nói với C là bệnh viện Đa khoa huyện N không tuyển người nữa. Quá trình nói chuyện với ông B thì C được biết công ty cổ phần dịch vụ Quốc tế An Quốc đang phối hợp với bệnh viện Đa khoa huyện N thực hiện đề án xã hội hóa tại phòng khám Tuy Hòa (*trực thuộc bệnh viện Đa khoa huyện N*) và công ty này đang cần tuyển hợp đồng nhân viên Dược, ông B nói với C nếu muốn xin việc cho chị H làm hợp đồng thì xuống phòng khám Tuy Hòa liên hệ. Do là bạn bè với C nên Ông B điện thoại cho anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988 ở P. Quang Trung - TP. H - Hải Dương (*thời điểm đó là Phó Giám đốc công ty cổ phần dịch vụ Quốc tế An Quốc*) để nhờ anh H1 xem xét bố trí được công việc cho chị H thì xem xét tuyển chị H vào làm việc.

Sau đó, Mai Xuân C đưa chị H xuống phòng khám Tuy Hòa rồi C nộp hồ sơ xin việc của chị H qua văn phòng của phòng khám (*C không biết rõ là nộp cho ai, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể là gì*) để xin cho chị H làm hợp đồng nhân viên bán thuốc cho công ty cổ phần dịch vụ Quốc tế An Quốc. Sau khi nộp hồ sơ, C không gặp gỡ ai của phòng khám Tuy Hòa hay công ty An Quốc để đặt vấn đề xin việc cho chị H mà chỉ gửi hồ sơ ở đó để đợi phía công ty xem xét. Đến tháng 12/2015, chị H được đi làm tại phòng khám Tuy Hòa và chị H nộp hồ sơ mới cho anh H1. Lúc này, chị H và gia đình chỉ biết là làm ở phòng khám Tuy Hòa - trực thuộc bệnh viện Đa khoa huyện N chứ không biết là làm nhân viên hợp đồng cho công ty An Quốc. Chị H có trao đổi với C tại sao làm ở phòng khám Tuy Hòa mà không phải bệnh viện đa khoa huyện N thì C trả lời "Cứ làm tạm ở phòng khám, khi nào có đợt thi công chức sẽ xin cho về bệnh viện Đa khoa huyện N". Đến tháng 01/2016, chị H đã ký hợp đồng với công ty An Quốc làm nhân viên bán thuốc của công ty tại phòng khám Tuy Hòa. Quá trình làm việc chị H biết mình chỉ là nhân viên hợp đồng bán thuốc của công ty An Quốc và không thấy C xin cho về làm tại bệnh viện Đa khoa huyện N thì gia đình ông D có nhiều lần hỏi và nhắc C nhưng C vẫn tiếp tục hứa hẹn và bảo chị H cứ làm ở đó và đợi. Sau đó, C mang tài

liệu về cho chị H ôn tập để thi tuyển viên chức và hứa hẹn sẽ xin được việc cho chị H. Bản thân C hiểu và nắm được để được tuyển vào viên chức tại bệnh viện Đa khoa huyện N thì phải tham gia thi tuyển, xét tuyển theo quy định, tuy nhiên chị H không được tham gia thi, xét tuyển viên chức trong các đợt tuyển viên chức của bệnh viện Đa khoa huyện N. Đến tháng 01/2019, chị H thấy C hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện được nên đã nghỉ làm nhân viên bán thuốc của công ty An Quốc và đi làm công nhân.

Sau đó, gia đình ông D đã nhiều lần đến nhà và điện thoại gọi Mai Xuân C để đòi lại số tiền 300 triệu đồng. Nhưng C không trả và phủ nhận việc đã nhận 300 triệu đồng của ông D. Quá trình trao đổi, nói chuyện với C thì gia đình ông D có ghi âm lại và giao nộp các file ghi âm cùng đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt số tiền 300 triệu đồng của Mai Xuân C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra lúc đầu C không thừa nhận nhưng sau đó thừa nhận hành vi không có thẩm quyền, chức năng trong việc tuyển người làm trong ngành y tế nhưng đã nhận số tiền 300 triệu đồng của ông D để xin việc cho chị H vào viên chức tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương. Số tiền 300 triệu đồng trên C đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Kết luận giám định số 428/C09-P6 ngày 04/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung ghi âm trong file ghi âm mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông trong các mẫu cần giám định ký hiệu: A2, A10, A11, A12, A14, A15, A16 (được ký hiệu là “C” trong Bản dịch nội dung ghi âm) và tiếng nói của ông Mai Xuân C trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông trong các mẫu cần giám định ký hiệu: A2, A11, A12, A15, A16 (được ký hiệu là “D” trong Bản dịch nội dung ghi âm) và tiếng nói của Ông Nguyễn Văn D trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông trong mẫu cần giám định A2 (được ký hiệu là “T1” trong Bản dịch nội dung ghi âm) và tiếng nói của ông Phạm Văn T1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người phụ nữ trong các mẫu giám định ký hiệu A8, A9, A14 (được ký hiệu là “C1” trong Bản dịch nội dung ghi âm) và tiếng nói của bà Nguyễn Thị C1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người phụ nữ trong mẫu cần giám định A10 (được ký hiệu là “H” trong bản dịch nội dung ghi âm) và tiếng nói của bà Nguyễn Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người. Kèm theo Kết luận giám định gồm: 01 bản dịch nội dung ghi gồm 22 trang A4. Hoàn lại cơ quan trưng cầu giám định toàn bộ đối tượng gửi giám định.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã quản lý thu giữ 01 USB chứa các file ghi âm do Ông Nguyễn Văn D giao nộp và đã tiến hành dịch nội dung và giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Đã hoàn lại sau giám định và được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C đã tác động đến gia đình để bồi thường trả lại gia đình ông D số tiền đã nhận. Ngày 23/10/2022, chị Mai Thị Thúy Minh (là con gái ông C) đã trả lại số tiền 300 triệu đồng cho ông D để khắc phục hậu quả, ông D đã nhận

đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo C bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Tại Cáo trạng số 09/CT- VKS- NG ngày 03/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố Mai Xuân C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Đại diện VKSND huyện N giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mai Xuân C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b, o khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2022. Hình phạt bổ sung: Không. Về xử lý vật chứng: Không; Về trách nhiệm dân sự: Không. Về án phí: Bị cáo là người già có đơn đề nghị miễn án phí nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Người bào chữa cho bị cáo C xác định: Bị cáo C có tiền sử bệnh Đái tháo đường type 2, nhiều lần bị huyết áp cao đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Bị cáo là người cao tuổi nên không cần thiết cách ly đề nghị HĐXX thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo C. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị HĐXX xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS áp dụng cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới khung liên kề từ 02 năm đến 07 năm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Mai Xuân C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do tin tưởng Mai Xuân C có thể xin việc cho con gái là chị Nguyễn Thị H vào viên chức tại Bệnh viện Đa khoa huyện N, nên sáng ngày 21/10/2015 tại phòng khách nhà ông Phạm Văn T1 Ông Nguyễn Văn D đã đưa số tiền 300 triệu đồng cho Mai Xuân C, nhưng C không có chức năng, thẩm quyền liên quan đến việc tuyển người vào làm việc tại bệnh viện Đa khoa huyện N (nay là Trung tâm Y tế huyện N) và đã được ông Mai Quang B (thời điểm đó là Giám đốc bệnh viện Đa khoa huyện N) cho biết bệnh viện Đa khoa huyện N không tuyển người, nhưng C vẫn hứa hẹn, đưa ra thông tin không đúng sự thật để C chiếm đoạt của Ông Nguyễn Văn D số tiền 300 triệu đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức tài sản thuộc sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, nhưng vì động cơ, mục đích tư lợi nên bị cáo cố tình thực hiện hành vi gian

đổi, làm cho người khác tưởng giả là thật, giao tài sản cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo và giá trị tài sản chiếm đoạt (300 triệu đồng) đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Mai Xuân C về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền nhưng lại không chịu lao động chân chính đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện N. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học cảnh tỉnh cho những người khác còn có ý thức coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Năm 1983 bị cáo bị xử phạt 24 tháng tù về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa tuy đã được xoá án tích; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình là chị Mai Thị Thuý M (là con đẻ) thay mặt bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho bị hại là Ông Nguyễn Văn D, bị hại ông D có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố xét xử trên 70 tuổi, bị cáo có anh trai là Mai Văn Đ là Liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và năm 2003 bị cáo được Ban chấp hành công đoàn ngành Thương mại- Du lịch tỉnh Hải Dương tặng thưởng giấy khen do có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn và Hoạt động công đoàn năm 2002. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b, o khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện người cao tuổi nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với khoản 5 Điều 174- Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là Ông Nguyễn Văn D. Ông D không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã quản lý thu giữ 01 USB chứa các file ghi âm do Ông Nguyễn Văn D giao nộp và đã tiến hành dịch nội dung và giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Đã hoàn lại sau giám định và được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án. Xét thấy đây là tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8]. Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân C đề nghị HĐXX thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo C vì bị cáo C là người có tiền sử bệnh Đái tháo đường type 2, nhiều lần bị huyết áp cao đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương; Bị cáo C có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị HĐXX xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS áp dụng cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới khung liên kể từ 02 năm đến 07 năm là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo Mai Xuân C là người già có đơn đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Các vấn đề khác: Đối với Ông Mai Quang B và ông Phạm Văn T1 chỉ là người giới thiệu do có quan hệ tình cảm. Quá trình điều tra xác định ông B và ông T1 không có mục đích tư lợi, hưởng lợi trong việc bị cáo C có hành vi gian dối, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của ông D nên không xem xét xử lý. HĐXX không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b, o khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Mai Xuân C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Mai Xuân C 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/10/2022.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý 01 USB chứa các file ghi âm do Ông Nguyễn Văn D giao nộp và đã tiến hành dịch nội dung và giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Đã hoàn lại sau giám định trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mai Xuân C.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333- BLTTHS.

Bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2023). Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- , Cơ quan CSĐT- Công an huyện N;
- THADS huyện N;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

BÙI QUÝ LONG